

Bản án số: 70/2019/KDTM-ST

Ngày: 14-11-2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Khánh Hưng

Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2019/TLST-KDTM ngày 15 tháng 3 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2019/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 231/2019/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ; địa chỉ trụ sở: Đường L, phường B, Quận A, Thành phố H; địa chỉ chi nhánh: Đường T, phường M, thành phố B, tỉnh N.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1980; địa chỉ liên lạc: Đường L, phường B, Quận A, Thành phố H; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 219D/2019/UQ-OCB ngày 23/9/2019 và số 48/2016/UQ-CT.HĐQT ngày 02/11/2016), (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Tiến B, sinh năm 1976 và bà Phan Thị T, sinh năm 1980; cư trú tại: Đường C, Phường D, quận G, Thành phố H, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 05 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (viết tắt là

OCB) có ông Nguyễn Thanh H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/01/2013, ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T ký hợp đồng tín dụng số 0017/2013/HĐTD-CN với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ để vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 17%/năm, lãi suất điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân VNĐ kỳ hạn 06 tháng trả lãi cuối kỳ của ngân hàng cộng với biên độ tối thiểu 9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay để góp vốn kinh doanh. Ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T đã nhận đủ số tiền vay 500.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm: Để bảo đảm cho nghĩa vụ vay, ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ 01 chiếc xe ô tô 05 chỗ, nhãn hiệu Toyota, màu vàng, số loại Camry Le, năm sản xuất 2009, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018347 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/01/2010, số máy 2AR-D080977, số khung 4T1BF3EK5AU041975, biển số xe 56P-2525, do ông Trần Tiến B đứng tên chủ sở hữu, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0017/2013/BĐ ngày 29/01/2013, được công chứng tại Phòng công chứng Long Biên, số công chứng 374, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD, công chứng ngày 29/01/2013, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 30/01/2013 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng. Tài sản bảo đảm do ông Trần Tiến B giữ và bảo quản, sử dụng từ khi thế chấp cho Ngân hàng đến nay.

Thực hiện hợp đồng, ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông bà vẫn không thanh toán nợ cho ngân hàng. Nhiều lần Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có liên lạc với ông Trần Tiến B hỏi ông về tình trạng chiếc xe ô tô thế chấp trên, ông nói ông đang sử dụng hàng ngày. Hợp đồng tín dụng hết hạn đã lâu nhưng Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ không khởi kiện sớm là vì Ngân hàng muốn tạo điều kiện cho ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T là khách hàng có thời gian chuẩn bị tiền để trả nợ cho Ngân hàng. Nếu ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T có thiện chí trả nợ thì Ngân hàng vẫn tạo điều kiện thương lượng giảm tiền nợ lãi quá hạn cho bị đơn nhưng bị đơn không có thiện chí trả nợ.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ khởi kiện ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T, yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn các khoản nợ tính đến ngày 06/8/2019 theo hợp đồng tín dụng số 0017/2013/HĐTD-CN ngày 29/01/2013 như sau:

- + Nợ gốc: 500.000.000 đồng
- + Nợ lãi trong hạn: 11.453.956 đồng
- + Nợ lãi quá hạn: 852.766.478 đồng.
- Tổng cộng nợ gốc và lãi là: 1.364.220.434 đồng

Ngoài ra, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ yêu cầu ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T phải trả lãi suất phát sinh trên nợ gốc còn nợ kể từ ngày 07/8/2019 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ theo mức lãi suất nợ quá

hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0017/2013/HĐTD-CN ngày 29/01/2013 mà các bên đã ký kết.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Đến hạn thanh toán trên, nếu ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T không thanh toán hết số nợ trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T để thu hồi toàn bộ khoản nợ của ông bà cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ không yêu cầu xử lý phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để triệu tập ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T tới Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T không đến, do đó Tòa án không lấy lời khai của ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

Sau khi được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đã ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản với ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T theo như nội dung vụ án đã trình bày, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ về các khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và không yêu cầu xử lý phát mãi tài sản thế chấp là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T có vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có ký hợp đồng tín dụng, do đó có cơ sở xác định giữa ông Trần Tiến B, bà Phan Thị T và Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T không trả tiền đúng hạn nên Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ khởi kiện.

Tòa án đã xác minh địa chỉ cư trú của ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T tại Công an Phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, kết quả xác minh ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T đang thực tế cư trú tại địa chỉ Đường C, Phường D, quận G, Thành phố H. Do ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T cư trú tại quận G, Thành phố H nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về người tham gia tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập đương sự triệu tập ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T tới Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa kèm Giấy triệu tập đương sự cho ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T, nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông bà vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự:

Đối với yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 0017/2013/HĐTD-CN ngày 29/01/2013, hợp đồng thế chấp tài sản số 0017/2013/BĐ ngày 29/01/2013 được ký giữa ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp giữa các bên là có thật, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên và bảng kê chi tiết các khoản nợ thể hiện ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền 500.000.000 đồng. Để bảo đảm cho nghĩa vụ vay, ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T đã thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota, biển số xe 56P-2525, do ông Trần Tiến B đứng tên chủ sở hữu, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0017/2013/BĐ ngày 29/01/2013. Bị đơn nhận đủ số tiền vay. Thực hiện hợp đồng, ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T không thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ. Như vậy, theo nguyên đơn yêu cầu thì bị đơn còn thiếu nguyên đơn tổng cộng nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 06/8/2019 là 1.364.220.434 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.453.956 đồng, nợ lãi quá hạn là

852.766.478 đồng. Ngoài ra, bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn lãi suất phát sinh trên nợ gốc còn nợ tính từ ngày 07/8/2019 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Đến hạn thanh toán, nếu bị đơn không thanh toán đầy đủ số nợ trên thì nguyên đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành toàn bộ khoản nợ trên và không yêu cầu xử lý phát mãi tài sản bảo đảm là chiếc xe Toyota có biển số 56P-2525 nêu trên để thu hồi nợ.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thì áp dụng theo quy định của Luật này”*, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Do vậy, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận.

Hội đồng xét xử xét thấy lãi suất của hợp đồng tín dụng số 0017/2013/HĐTD-CN ngày 29/01/2013 mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật. Do ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định trong hợp đồng gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ khởi kiện, yêu cầu thu hồi nợ là có cơ sở pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ. Cần buộc ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tổng số tiền nợ tính đến ngày 06/8/2019 là 1.364.220.434 đồng (trong đó nợ gốc là 500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.453.956 đồng, nợ lãi quá hạn là 852.766.478 đồng); kể từ ngày 07/8/2019, ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T vẫn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ cho đến ngày ông bà thanh toán hết nợ vay theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0017/2013/HĐTD-CN ngày 29/01/2013; thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Đối với tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0017/2013/BĐ ngày 29/01/2013 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (bên nhận thế chấp) với ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T (bên thế chấp) là chiếc xe ô tô 05 chỗ, nhãn hiệu Toyota, màu vàng, số loại Camry Le, năm sản xuất 2009, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018347 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/01/2010, số máy 2AR-D080977, số khung 4T1BF3EK5AU041975, biển số xe 56P-2525, do ông Trần Tiến B đứng tên chủ sở hữu để bảo đảm cho khoản nợ vay của ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ. Do Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ không yêu cầu xử lý phát mãi tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên, Hội

đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó” nên Hội đồng xét xử không xét. Sau này, nếu các đương sự có tranh chấp về tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên thì được quyền khởi kiện thành vụ án khác.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, buộc bị đơn ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T phải trả một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 06/8/2019 theo hợp đồng tín dụng số 0017/2013/HĐTD-CN ngày 29/01/2013 là 1.364.220.434 đồng (trong đó nợ gốc là 500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.453.956 đồng, nợ lãi quá hạn là 852.766.478 đồng). Ngoài ra, ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tiền lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ tính từ ngày 07/8/2019 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký. Đến hạn thanh toán, bị đơn chưa trả hết nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành toàn bộ khoản nợ trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

[3]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí năm 2015, yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ được chấp nhận nên ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 52.926.613 đồng đối với khoản nợ mà ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T phải trả là 1.364.220.434 đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 24.832.568 đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ theo biên lai thu số AA/2018/0000264 ngày 15/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150 Điều 177, Điều 203, Điều 217, Điều 218, Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 305, 342, 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 299, 323, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Điều 48 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

- Buộc ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 06/8/2019 theo hợp đồng tín dụng số 0017/2013/HĐTD-CN ngày 29/01/2013 là 1.364.220.434 đồng (Một tỷ ba trăm sáu mươi bốn triệu hai trăm hai mươi nghìn bốn trăm ba mươi bốn) đồng, trong đó nợ gốc là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, nợ lãi trong hạn là 11.453.956 (Mười một triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn chín trăm năm mươi sáu) đồng, nợ lãi quá hạn là 852.766.478 (Tám trăm năm mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm bảy mươi tám) đồng.

Kể từ ngày 07/8/2019, ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T vẫn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tiền nợ lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ cho đến khi ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ theo mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0017/2013/HĐTD-CN ngày 29/01/2013.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Đến hạn thanh toán trên mà ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T chưa thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành toàn bộ số tiền còn nợ để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

2- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 52.926.613 (Năm mươi hai triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm mười ba) đồng đối với khoản nợ mà ông Trần Tiến B và bà Phan Thị T phải trả là 1.364.220.434 (Một tỷ ba trăm sáu mươi bốn triệu hai trăm hai mươi nghìn bốn trăm ba mươi bốn) đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 24.832.568 (Hai mươi bốn triệu tám trăm ba mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi tám) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0000264 ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3- Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Trần Tiến

B và bà Phan Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND quận Gò Vấp;
- Thi hành án DS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS (Hoài).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Đặng Thị Tám

